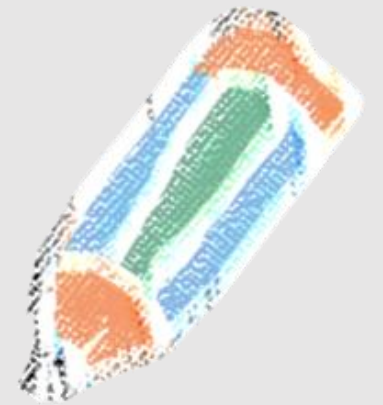
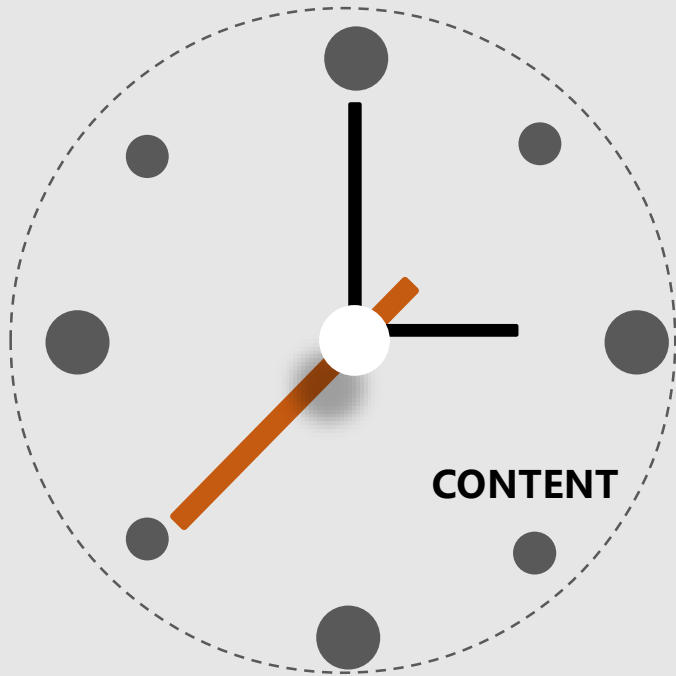




Chương 10:
LUẬT HÔN NHÂN
VÀ GIA ĐÌNH





1

Mục tiêu

2

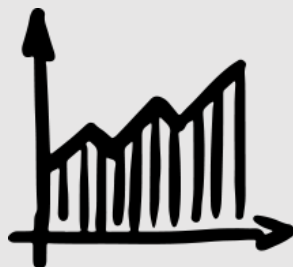
Nội dung chính

3

Tóm lược

Luật hôn nhân và gia đình là gì?
Đối tượng điều chỉnh, phương pháp
điều chỉnh của ngành luật này như
thế nào?

Sinh viên có thể áp dụng và giải
quyết các tình huống trong lĩnh
vực này trong thực tiễn.



Nắm được một số chế định cơ bản
của ngành luật hôn nhân và gia
đình như: Kết hôn và mối quan hệ
giữa vợ và chồng, nghĩa vụ và
quyền giữa cha mẹ và con cái,
nghĩa vụ cấp dưỡng giữa các thành
viên trong gia đình, chấm dứt hôn
nhân.



Khái quát chung về luật
hôn nhân và gia đình

Các chế định cơ
bản của luật hôn
nhân và gia đình

*Khái quát
chung về
luật hôn
nhân và gia
đình*

Khái niệm Luật Hôn
nhân và gia đình

01

02

Đối tượng điều chỉnh
của Luật Hôn nhân và
gia đình

Phương pháp điều chỉnh
của Luật Hôn nhân và gia
đình

03

Khái niệm Luật hôn nhân và gia đình

Là ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam, bao gồm các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh giữa các thành viên trong gia đình về lợi ích nhân thân và lợi ích về tài sản.





Đối tượng điều chỉnh của Luật Hôn nhân và gia đình



Quan hệ thân nhân



Lợi ích nhân thân

*Tình yêu thương, chăm sóc, sự
thủy chung giữa vợ và chồng, giữa
cha mẹ và con gái, giữa anh chị em
hay giữa ông bà với cháu.*



Quan hệ tài sản




Lợi ích về tài sản


*Quan hệ sở hữu tài sản giữa
vợ và chồng, quan hệ nuôi
dưỡng, cấp dưỡng giữa cha
mẹ với con cái.*

Xét về bản chất, quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản trong Luật Hôn nhân và gia đình khác với ngành luật Dân sự



 Quyền và nghĩa vụ về hôn nhân và gia đình gắn với nhân thân của các chủ thể không thể chuyển giao.

 Lĩnh vực hôn nhân và gia đình, quyền nghĩa vụ của các chủ thể lâu dài và bền vững.

 Quan hệ tài sản không mang tính đền bù ngang giá như trong ngành Luật dân sự và tương đối hẹp, chủ yếu giữa các thành viên trong gia đình.

*Phương pháp điều chỉnh của
Luật Hôn nhân và gia đình*

Bình đẳng²



Tự nguyện

Các chế định cơ bản của luật hôn nhân và gia đình

Các nguyên tắc của chế độ
hôn nhân và gia đình

1

Chế định hôn nhân

2

Chế định quan hệ giữ
vợ và chồng

3



4

Chế định quan hệ giữa cha
mẹ và con






5

Chế định quan hệ giữa các
thành viên khác trong gia
đình

6

Chế định chấm dứt hôn nhân

Các Nguyên Tắc Của Chế Độ Hôn Nhân Và Gia Đình

-  Hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng.
-  Hôn nhân giữa công dân Việt Nam không phân biệt tôn giáo, tín ngưỡng, quốc tịch được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.
-  Các thành viên trong gia đình xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, tiến bộ.
-  Thực hiện kế hoạch hóa gia đình.
-  Kế thừa phát huy truyền thống văn hóa đạo đức tốt đẹp của dân tộc Việt Nam về hôn nhân và gia đình.

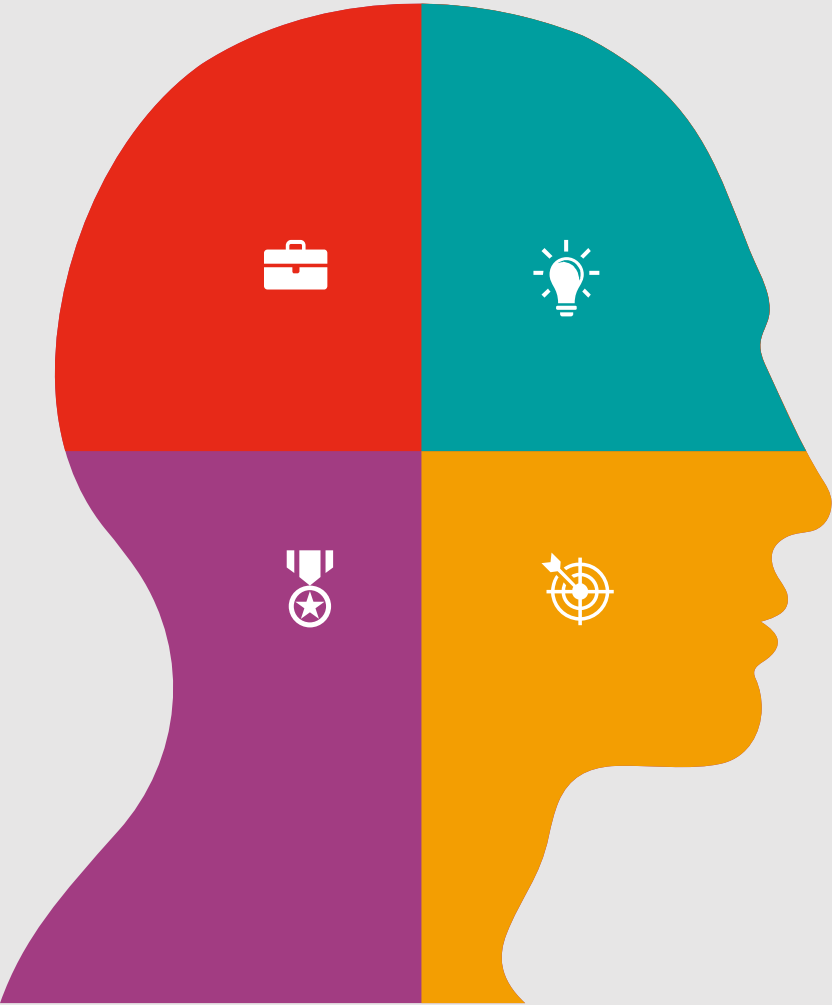
Chế định hôn nhân



Khái niệm

- Theo Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 : “ Kết hôn là việc nam và nữ xác lập quan hệ vợ chồng với nhau theo quan hệ của Luật này về điều kiện kết hôn và đăng kí kết hôn.”
- Nhà nước chỉ thừa nhận một hình thức kết hôn duy nhất kết hôn theo luật định, người nam và nữ bày tỏ nguyện vọng tự nguyện gắn kết với nhau và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận.

Các điều kiện kết hôn



- Về độ tuổi : Nam từ đủ 20 tuổi trở lên. Nữ từ đủ 18 tuổi trở lên
- Về sự tự nguyện : Việc kết hôn được nam và nữ tự nguyện quyết định.
- Về năng lực hành vi dân sự : Nam nữ kết hôn phải là người không bị mất năng lực hành vi dân sự.

Chế định hôn nhân

Chế định hôn nhân

Kết hôn giả tạo

Tảo hôn

Cưỡng ép kết hôn

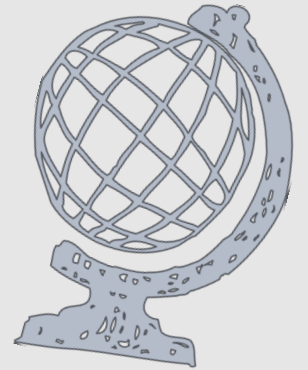
Ép buộc kết hôn

Lừa dối kết hôn

Việc kết hôn không thuộc các trường hợp

Người đang có vợ có chồng mà kết hôn hoặc chung sống với người khác hoặc người chưa có vợ có chồng mà kết hôn với người đang có vợ có chồng

Kết hôn với người cùng dòng máu trực hệ, có họ trong phạm vi 3 đời, giữa cha mẹ - con nuôi,



NN ta không thừa nhận hôn nhân đồng tính (K2 Điều 8 Luật HN và GD)

Đăng ký kết hôn



Cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn giữa công dân Việt Nam với nhau là Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú của một trong hai bên kết hôn.



Giấy chứng nhận kết hôn và sổ đăng ký kết hôn là văn bản xác nhận của nhà nước về việc kết hôn của người nam và nữ



Trường hợp kết hôn có yếu tố nước ngoài thì thẩm quyền được xác định như sau:

- + UBND cấp xã nơi thường trú của công dân Việt Nam ở khu vực biên giới thực hiện việc đăng ký kết hôn giữa công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới và công dân của nước láng giềng khu vực biên giới.
- + UBND cấp tỉnh nơi thường trú của công dân Việt Nam thực hiện việc đăng ký kết hôn giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài tại Việt Nam.
- + Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam tại nước tiếp nhận cư trú của công dân Việt Nam thực hiện việc đăng ký kết hôn giữa công dân Việt Nam và người nước đó.

Những trường hợp vi phạm quy định tại điểm a,b,c,d, khoản 1 Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 được xác định là kết hôn trái pháp luật.

Khi việc kết hôn trái pháp luật bị hủy thì hai bên kết hôn phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng.



Tòa án có thẩm quyền hủy việc kết hôn trái pháp luật.

Quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con được giải quyết theo quy định về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con khi ly hôn.

Quan hệ tài sản được giải quyết theo thỏa thuận hoặc theo quy định Bộ luật dân sự khi không có thỏa thuận, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ và con.



Chế định hôn nhân

***Không công
nhận quan hệ
vợ chồng***

1

Nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng kí kết hôn.

2

Nam nữ thực hiện việc kết hôn tại cơ quan không có thẩm quyền đăng kí kết hôn.

3

Việc kết hôn không đúng nghi thức kết hôn theo quy định pháp luật.

Chế định quan hệ giữa
vợ và chồng

Quyền và nghĩa vụ nhân thân giữa vợ và chồng



Vợ chồng có quyền bình đẳng với nhau, có quyền và nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình.

Đại diện giữa vợ và chồng

Vợ chồng có thể ủy quyền cho nhau trong việc xác lập, thực hiện, chấm dứt giao dịch mà phải có sự đồng ý của cả hai như bán tài sản chung.

Vợ chồng phải chịu liên đới đối với các giao dịch do một bên thực hiện trong các trường hợp trên.

Vợ chồng được đại diện cho nhau khi một bên mất năng lực hành vi dân sự mà bên kia đủ điều kiện làm người giám hộ hoặc một bên được Tòa án chỉ định làm người đại diện.



Chế định quan hệ giữa vợ và chồng

Quyền và nghĩa vụ về tài sản giữa vợ và chồng



Tài sản chung của vợ chồng là tài sản thuộc sở hữu hợp nhất có thể phân chia.



Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ, chồng tạo ra, thu nhập trong thời kì hôn nhân, tài sản mà vợ chồng được thừa kế chung và tài sản khác mà vợ chồng thỏa thuận là tài sản chung.



Vợ chồng phải có nghĩa vụ chung về tài sản.



Trong thời kì hôn nhân vợ chồng được quyền thỏa thuận chia một phần hoặc toàn bộ tài sản chung hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung.



Vợ chồng có quyền có tài sản riêng. Vợ hoặc chồng có quyền nhập hay không nhập tài sản riêng vào tài sản chung.

Chế định quan hệ giữa
vợ và chồng



Nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng

Nghĩa vụ này chỉ hình thành khi vợ chồng ly hôn. Nếu một bên sau ly hôn gặp khó khăn có lý do chính đáng và yêu cầu cấp dưỡng thì bên kia có nghĩa vụ cấp dưỡng theo khả năng của mình.

Chế định quan hệ giữa cha mẹ và con

<i>Căn cứ phát sinh quan hệ pháp luật giữa cha, mẹ, con</i>	<i>Xác định quan hệ cha, mẹ, con</i>
Sự kiện nhận nuôi con nuôi	Cần thoả mãn điều kiện người nhận nuôi và người được nhận nuôi. Phát sinh khi có quyết định cho nhận nuôi.
Sự kiện sống chung	Chồng của mẹ (cha dượng kê). Vợ của bố (mẹ kế) khi sống chung với họ phát sinh quan hệ cha mẹ con.

Quyền và nghĩa vụ giữa cha, mẹ và con

Quyền và nghĩa
vụ nhân thân



Quyền và nghĩa
vụ tài sản

Cha mẹ có
quyền đại diện
cho con theo quy
định của pháp
luật

Cha mẹ có
quyền và nghĩa
vụ chăm sóc,
nuôi dưỡng,
giáo dục con

Con có quyền
và nghĩa vụ
chăm sóc,
nuôi dưỡng
cha mẹ

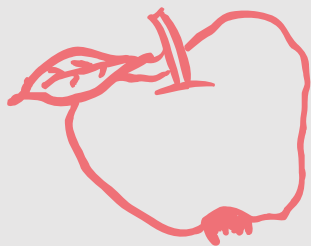
Quyền và
nghĩa vụ nuôi
dưỡng, cấp
dưỡng giữa
cha mẹ và con

Nghĩa vụ bồi
thường thiệt
hại do con
gây ra.

Cha mẹ có
quyền quản
lý và định
đoạt tài sản
của con

Chế định quan hệ giữa cha mẹ và con

Chế định quan hệ giữa cha, mẹ và con



Quan hệ nuôi dưỡng, cấp dưỡng giữa cha mẹ và con



Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên. Trường hợp cha, mẹ ly hôn khi con chưa đủ 18 tuổi, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ phải chi trả tiền cấp dưỡng để đảm bảo quyền lợi cho con về tài sản cho đến khi con trưởng thành. Đối với con đã thành niên, cha, mẹ vẫn có trách nhiệm phải chi trả cấp dưỡng nếu thuộc các trường hợp sau: Con đã thành niên không có khả năng lao động (tàn tật, mất khả năng dân sự) và không có tài sản để tự nuôi mình.

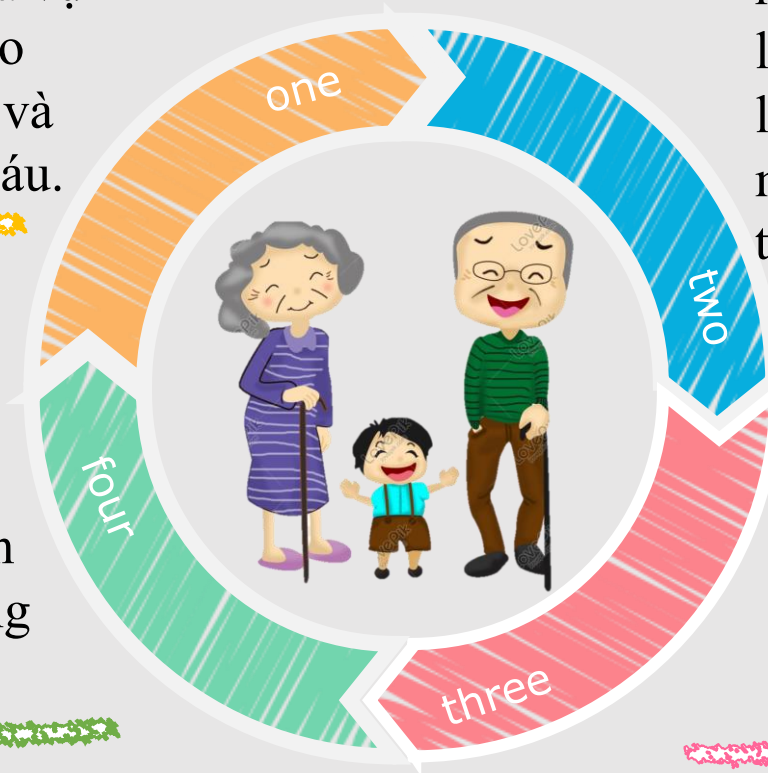
Trong quan hệ giữa con với cha, mẹ, nghĩa vụ cấp dưỡng được đặt ra đối với con đã thành niên và không sống chung với cha, mẹ. Tương tự, điều kiện đối với bên được nhận cấp dưỡng là cha, mẹ không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Tuy nhiên, nghĩa vụ này chỉ đặt ra khi con có khả năng về kinh tế, đảm bảo được cuộc sống của chính mình; do đó, về nguyên tắc, nghĩa vụ cấp dưỡng cho cha, mẹ chỉ đặt ra đối với con đã thành niên.

● Chế định quan hệ giữa các thành viên khác trong gia đình

Ông bà có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu, sống mẫu mực và nêu gương tốt cho con cháu.



Cháu có nghĩa vụ kính trọng, chăm sóc, phụng dưỡng ông bà



Trong trường hợp cháu chưa thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình mà không còn người nuôi dưỡng thì ông bà có nghĩa vụ nuôi dưỡng cháu.



Trường hợp ông bà không có con để nuôi dưỡng thì cháu đã thành niên có nghĩa vụ nuôi dưỡng. Nếu không sống chung thì cháu thành niên có nghĩa vụ cấp dưỡng cho ông bà



Quan hệ
giữa ông bà
và cháu

● Chế định quan hệ giữa các thành viên khác trong gia đình

Anh, chị, em có quyền và nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Anh, chị, em thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình cả khi còn cha mẹ và khi không còn cha mẹ, cả khi sống chung với nhau cũng như khi không sống chung với nhau.



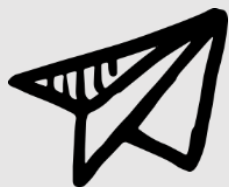
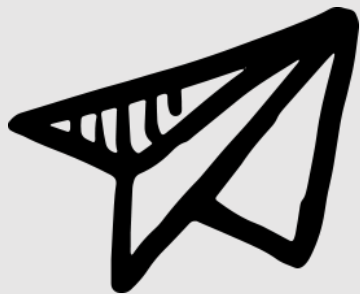
Anh, chị, em có quyền và nghĩa vụ đại diện theo pháp luật của nhau với tư cách là người giám hộ.

Quan hệ anh, chị, em

Nghĩa vụ nuôi dưỡng: Trong trường hợp không còn cha mẹ hoặc tuy còn cha mẹ nhưng cha mẹ không có điều kiện trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con thì anh, chị, em có nghĩa vụ và quyền nuôi dưỡng nhau khi một trong số họ là người chưa thành niên, người đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Quyền thừa kế: Nếu người chết để lại di chúc cho anh, chị, em của họ được thừa kế thì anh, chị, em được thừa kế theo di chúc. Trong trường hợp thừa kế theo pháp luật thì anh ruột, chị ruột, em ruột thuộc hàng thừa kế thứ hai của người chết.

Quan hệ cô, dì, chú, cậu, bác ruột và cháu ruột



Cô, dì, chú, cậu, bác ruột và cháu có quyền, nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau.

Trường hợp cháu chưa thành niên hoặc đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình mà không còn những người khác nuôi dưỡng thì cô, dì, chú, bác, cậu ruột có quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng cháu.

Cháu ruột có quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng cô, dì, chú, bác, cậu ruột khi họ cần được nuôi dưỡng mà không có con, anh, chị, em hoặc tuy có nhưng những người này không có khả năng nuôi dưỡng cô, dì, chú, bác, cậu.

Chế định quan hệ giữa các thành viên khác trong gia đình

Ly hôn



Ly hôn là việc chấm dứt quan hệ vợ chồng theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của tòa án (khoản 14 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình).

Tòa án sẽ giải quyết ly hôn khi có một trong những căn cứ sau:

- + Vợ hoặc chồng bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình.
- + Là nạn nhân của bạo lực gia đình do chồng, vợ của họ gây ra làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, tinh thần của họ.
- + Vợ, chồng vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.
- + Vợ chồng bị tòa án tuyên bố mất tích.





Chế định chấm dứt hôn nhân

Hậu quả pháp lý của việc ly hôn

Về tài sản

Các bên tự thỏa thuận; trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án sẽ giải quyết. Cụ thể: tài sản riêng của bên nào thì thuộc quyền sở hữu bên đó. Đối với tài sản chung về nguyên tắc thì chia đôi nhưng có xem xét đến hoàn cảnh của các bên.

01

Hai bên vợ chồng chấm dứt quyền và nghĩa vụ vợ chồng với nhau.

02

03

Về việc trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn

Quan hệ giữa cha mẹ và con trong trường hợp này không thay đổi. Việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dựa theo sự thỏa thuận của cha mẹ. Trường hợp không thỏa thuận được sẽ giao con cho bên nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi của con (con trên 7 tuổi sẽ xem xét đến nguyện vọng của con, nếu con dưới 3 tuổi thì giao cho mẹ trực tiếp nuôi). Người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ nuôi con thông qua biện pháp cấp dưỡng.

Chế định chấm dứt hôn nhân



*Hôn nhân chấm dứt
do vợ, chồng chết
hoặc bị Toà án tuyên
bố đã chết*



Thời điểm chấm dứt hôn nhân kể từ thời điểm vợ, chồng chết. Trường hợp Toà án tuyên bố vợ hoặc chồng chết thì thời điểm chấm dứt hôn nhân được xác định theo ngày chết ghi trong bản án, quyết định của Toà án.

Về tài sản: khi vợ, chồng chết hoặc bị Toà án tuyên bố là đã chết thì bên còn sống quản lý tài sản chung của vợ chồng, trừ trường hợp trong di chúc chỉ định người quản lý di sản hoặc những người thừa kế thoả thuận cử người khác quản lý tài sản. Tài sản chung sẽ được chia đôi khi có yêu cầu chia di sản.



Tóm lược

Khái niệm kết hôn



Là sự gắn kết lâu dài, bền vững, tự nguyện tuân thủ pháp luật giữa người nam và người nữ nhằm xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, hạnh phúc và bền vững.



Nhà nước chỉ thừa nhận một hình thức kết hôn duy nhất theo luật định, người nam và nữ bày tỏ nguyện vọng tự nguyện gắn kết với nhau và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận.



Nhà nước ta không thừa
nhận hôn nhân đồng tính.

Về độ tuổi.

Trường hợp kết hôn trái
pháp luật Tòa án có thẩm
quyền hủy việc kết hôn trái
pháp luật.


Việc kết hôn không thuộc
một trong các trường hợp
cấm kết hôn.

Về năng lực hành vi dân sự.

Về sự tự nguyện.

Nam nữ có đủ điều
kiện để kết hôn khi
đăng ký kết hôn tại
cơ quan nhà nước có
thẩm quyền mới làm
phát sinh quyền và
nghĩa vụ giữa vợ và
chồng.

Điều kiện kết hôn



Các trường hợp chung sống không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật thì tòa án sẽ tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng

Vợ chồng có quyền bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình, trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ công dân được pháp luật quy định.

Ngoài ra, giữa vợ chồng còn có quyền mang tính chất tình nghĩa giữa vợ và chồng, quyền và nghĩa vụ mang tính chất tự do, dân chủ, quyền và nghĩa vụ về tài sản về tài sản giữa vợ và chồng, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng.

Quan hệ vợ chồng

Quan hệ giữa cha mẹ và con

Cha mẹ và con có nghĩa vụ phải yêu thương, chăm sóc lẫn nhau

Quyền thừa kế tài sản của cha mẹ, con được thực hiện theo quy định của Bộ luật dân sự

Quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ và con

Con chưa thành niên có tài sản riêng, theo quy định pháp luật, cha mẹ có quyền quản lý, định đoạt, trừ trường hợp khác theo quy định pháp luật

Quan hệ nuôi dưỡng, cấp dưỡng giữa cha mẹ và con xác định cha mẹ, con được thực hiện theo quy định

Quan hệ sở hữu tài sản: Cha mẹ và con có quyền độc lập về tài sản. Quyền sở hữu được xác định theo quy định của pháp luật dân sự

Sự kiện sinh đẻ

Căn cứ làm phát sinh quan hệ pháp luật giữa cha mẹ và con

Sự kiện nuôi dưỡng

Hôn nhân sẽ chấm dứt trong trường hợp ly hôn
hoặc vợ, chồng chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là
đã chết

